

**TỈNH ỦY CAO BẰNG  
BAN TUYÊN GIÁO**

\*

**Số 1360-CV/BTGTU**

*V/v gửi Tài liệu tham khảo tháng 5/2020*

**ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM**

*Cao Bằng, ngày 14 tháng 5 năm 2020*



**Kính gửi:**

- Báo cáo viên Trung ương đơn vị tỉnh Cao Bằng,
- Báo cáo viên cấp tỉnh,
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh,
- Ban Tuyên giáo, Tuyên huấn các huyện, thành ủy,
- Đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy,

Do điều kiện công tác tháng 5/2020, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy không tổ chức Hội nghị Báo cáo viên thường kỳ.

Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy biên soạn Tài liệu tham khảo tháng 5/2020. Đề nghị các đồng chí Báo cáo viên Trung ương đơn vị tỉnh Cao Bằng, Báo cáo viên cấp tỉnh, các địa phương, đơn vị, căn cứ vào nội dung Tài liệu tham khảo (*gửi kèm theo*) để triển khai thực hiện công tác tuyên truyền tại địa phương, đơn vị.

Đề nghị các đồng chí quan tâm thực hiện.

**Nơi nhận:**

- Như trên,
- Thường trực TU,
- Thường trực các huyện, thành ủy, đảng ủy trực thuộc TU,
- Lãnh đạo Ban,
- Các phòng thuộc Ban,
- Lưu Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy.

**K/T TRƯỞNG BAN  
PHÓ TRƯỞNG BAN THƯỜNG TRỰC**



**Bế Dũng**



**TỈNH ỦY CAO BẰNG  
BAN TUYÊN GIÁO**

\*

**TÀI LIỆU THAM KHẢO**

**THÁNG 5 - 2020**

*(Lưu hành nội bộ)*

**1. Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam - Liên minh châu Âu: Những nội dung cốt lõi, cơ hội, thách thức và giải pháp của Việt Nam.**

**2. Kết quả nổi bật sau 10 năm thực hiện Chỉ thị số 61-CT/TU, ngày 31/5/2010 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng đối với công tác duy trì kết quả phổ cập giáo dục tiểu học, trung học cơ sở và đẩy mạnh phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi.**

**3. Một số kết quả sau hơn một năm thực hiện Nghị quyết số 37-NQ/TW, ngày 24/12/2018 của Bộ Chính trị về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện và cấp xã trên địa bàn tỉnh.**

**4. Một số kết quả đạt được trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2010 - 2020; phương hướng, nhiệm vụ thời gian tới.**

**5. Định hướng công tác tuyên truyền thời gian tới.**

**TÀI LIỆU THÔNG TIN CÔNG TÁC TUYÊN GIÁO DÙNG CHO BÁO CÁO VIÊN**



**Chuyên đề 01:**

**HIỆP ĐỊNH THƯƠNG MẠI TỰ DO VIỆT NAM - LIÊN MINH CHÂU ÂU:  
NHỮNG NỘI DUNG CỐT LÕI, CƠ HỘI, THÁCH THỨC VÀ GIẢI PHÁP  
CỦA VIỆT NAM**

**I. TỔNG QUAN VÀ NHỮNG NỘI DUNG CỐT LÕI CỦA HIỆP ĐỊNH  
THƯƠNG MẠI TỰ DO VIỆT NAM - LIÊN MINH CHÂU ÂU**

**1. Tổng quan Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam - Liên minh châu Âu**

- Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam - Liên minh châu Âu (EVFTA) là một Hiệp định toàn diện, chất lượng cao, cân bằng về lợi ích cho cả Việt Nam và Liên minh châu Âu (EU), đồng thời phù hợp với các quy định của Tổ chức Thương mại thế giới (WTO).

- Hiệp định gồm 17 chương, 2 nghị định thư và một số biên bản ghi nhớ kèm theo với các nội dung chính là: Thương mại hàng hóa (gồm các quy định chung và cam kết mở cửa thị trường), quy tắc xuất xứ, hải quan và thuận lợi hóa thương mại, các biện pháp vệ sinh an toàn thực phẩm (SPS), các rào cản kỹ thuật trong thương mại (TBT), thương mại dịch vụ (gồm các quy định chung và cam kết mở cửa thị trường), đầu tư, phòng vệ thương mại, cạnh tranh, doanh nghiệp nhà nước, mua sắm của Chính phủ, sở hữu trí tuệ, thương mại và Phát triển bền vững, hợp tác và xây dựng năng lực, các vấn đề pháp lý - thể chế.

**2. Những nội dung cốt lõi của Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam - Liên minh châu Âu**

**2.1. Thương mại hàng hóa**

- Đối với xuất khẩu của Việt Nam, ngay khi Hiệp định có hiệu lực, EU sẽ xóa bỏ thuế nhập khẩu đối với khoảng 85,6% số dòng thuế, tương đương 70,3% kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam sang EU. Sau 07 năm kể từ khi Hiệp định có hiệu lực, EU sẽ xóa bỏ thuế nhập khẩu đối với 99,2% số dòng thuế, tương đương 99,7% kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam. Đối với khoảng 0,3% kim ngạch xuất khẩu còn lại, EU cam kết dành cho Việt Nam hạn ngạch thuế quan với thuế nhập khẩu trong hạn ngạch là 0%.

- Đối với hàng xuất khẩu của EU, Việt Nam cam kết sẽ xóa bỏ thuế quan ngay khi Hiệp định có hiệu lực với 48,5% số dòng thuế (chiếm 64,5% kim ngạch nhập khẩu). Tiếp đó, sau 7 năm, 91,8% số dòng thuế tương đương 97,1% kim ngạch xuất khẩu từ EU được Việt Nam xóa bỏ thuế nhập khẩu. Sau 10 năm, mức xóa bỏ thuế quan là khoảng 98,3% số dòng thuế (chiếm 99,8% kim ngạch nhập khẩu). Đối với khoảng 1,7% số dòng thuế còn lại của EU, ta áp dụng lộ trình xóa bỏ thuế nhập khẩu dài hơn 10 năm hoặc áp dụng hạn ngạch thuế quan theo cam kết WTO.

**2.2. Thương mại dịch vụ và đầu tư**

- *Dịch vụ ngân hàng:* Trong vòng 05 năm kể từ khi Hiệp định có hiệu lực, Việt Nam cam kết sẽ xem xét thuận lợi việc cho phép các tổ chức tín dụng EU nâng mức nắm giữ của phía nước ngoài lên 49% vốn điều lệ trong 02 ngân hàng thương mại cổ



phần của Việt Nam. Tuy nhiên, cam kết này không áp dụng với 04 ngân hàng thương mại cổ phần mà Nhà nước đang nắm cổ phần chi phối<sup>1</sup>.

- *Dịch vụ bảo hiểm*: Việt Nam cam kết cho phép nhượng tái bảo hiểm qua biên giới, cam kết dịch vụ bảo hiểm y tế tự nguyện theo luật Việt Nam. Riêng đối với yêu cầu cho phép thành lập chi nhánh công ty tái bảo hiểm, ta chỉ cho phép sau một giai đoạn quá độ.

- *Dịch vụ viễn thông*: Việt Nam chấp nhận mức cam kết tương đương trong Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP). Đặc biệt đối với dịch vụ viễn thông giá trị gia tăng không có hạ tầng mạng, Việt Nam cho phép EU được lập doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài sau một giai đoạn quá độ.

- *Dịch vụ phân phối*: Việt Nam đồng ý bỏ yêu cầu kiểm tra nhu cầu kinh tế sau 05 năm kể từ khi Hiệp định có hiệu lực, tuy nhiên bảo lưu quyền thực hiện quy hoạch hệ thống phân phối trên cơ sở không phân biệt đối xử. Đồng thời cũng đồng ý không phân biệt đối xử trong sản xuất, nhập khẩu và phân phối rượu, cho phép các doanh nghiệp EU được bảo lưu điều kiện hoạt động theo các giấy phép hiện hành và chỉ cần một giấy phép để thực hiện các hoạt động nhập khẩu, phân phối, bán buôn và bán lẻ.

### **2.3. Mua sắm của Chính phủ**

- Việt Nam và EU thống nhất các nội dung tương đương với Hiệp định mua sắm của Chính phủ, của WTO. Với một số nghĩa vụ như đấu thầu qua mạng, thiết lập cổng thông tin điện tử để đăng tải thông tin đấu thầu,... Việt Nam có lộ trình để thực hiện. EU cũng cam kết dành hỗ trợ kỹ thuật cho Việt Nam để thực thi các nghĩa vụ này.

- Việt Nam cam kết mở cửa mua sắm của các bộ, ngành Trung ương, một số đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng (*đối với các hàng hóa và dịch vụ mua sắm thông thường không phục vụ mục tiêu quốc phòng - an ninh*), thành phố Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh, Tập đoàn Điện lực Việt Nam, Tổng công ty Đường sắt Việt Nam, 34 bệnh viện thuộc Bộ Y tế, Đại học quốc gia Hà Nội, Đại học quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh và một số Viện thuộc Trung ương. Về ngưỡng mở cửa thị trường, Việt Nam có lộ trình 15 năm để mở cửa dần các hoạt động mua sắm.

- Việt Nam bảo lưu có thời hạn quyền dành riêng một tỷ lệ nhất định giá trị các gói thầu cho nhà thầu, hàng hóa, dịch vụ và lao động trong nước trong vòng 18 năm kể từ khi Hiệp định có hiệu lực.

- Đối với dược phẩm, Việt Nam cam kết cho phép các doanh nghiệp EU được tham gia đấu thầu mua sắm dược phẩm của Bộ Y tế và bệnh viện công trực thuộc Bộ Y tế với một số điều kiện và lộ trình nhất định.

### **2.4. Sở hữu trí tuệ**

Cam kết về sở hữu trí tuệ gồm cam kết về bản quyền, phát minh, sáng chế, cam kết liên quan tới dược phẩm và chỉ dẫn địa lý... Về cơ bản, các cam kết về sở hữu trí tuệ của Việt Nam là phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành. Một số nét chính trong các cam kết sở hữu trí tuệ:

<sup>1</sup> 04 ngân hàng là: Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV); Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam (Vietinbank); Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank); Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (Agribank).



- *Về chỉ dẫn địa lý:* Khi Hiệp định có hiệu lực, Việt Nam sẽ bảo hộ trên 160 chỉ dẫn địa lý của EU (bao gồm 28 thành viên) và EU sẽ bảo hộ 39 chỉ dẫn địa lý của Việt Nam. Các chỉ dẫn địa lý của Việt Nam đều liên quan tới nông sản, thực phẩm, tạo điều kiện cho một số chủng loại nông sản của Việt Nam xây dựng và khẳng định thương hiệu của mình tại thị trường EU.

- *Về nhãn hiệu:* Hai bên cam kết áp dụng thủ tục đăng ký thuận lợi, minh bạch, bao gồm việc phải có cơ sở dữ liệu điện tử về đơn nhãn hiệu đã được công bố và nhãn hiệu đã được đăng ký để công chúng tiếp cận, đồng thời cho phép chấm dứt hiệu lực nhãn hiệu đã đăng ký nhưng không sử dụng một cách thực sự trong vòng 5 năm.

- *Về thực thi:* Hiệp định có quy định về biện pháp kiểm soát tại biên giới đối với hàng xuất khẩu nghi ngờ xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ.

- *Về đối xử tối huệ quốc:* Cam kết về nguyên tắc tối huệ quốc trong Hiệp định này đảm bảo dành cho các tổ chức, cá nhân của EU được hưởng những lợi ích về tiêu chuẩn bảo hộ cao không chỉ với các đối tượng quyền sở hữu trí tuệ theo Hiệp định của WTO về các khía cạnh liên quan đến thương mại của quyền sở hữu trí tuệ mà còn cả các đối tượng khác của quyền sở hữu trí tuệ trong các hiệp định thương mại tự do mà Việt Nam tham gia.

### **2.5. Doanh nghiệp Nhà nước**

- Quy định về Doanh nghiệp Nhà nước (DNNN) trong Hiệp định EVFTA nhằm tạo lập môi trường cạnh tranh bình đẳng giữa các thành phần kinh tế. Cam kết cũng tính đến vai trò quan trọng của các DNNN trong việc thực hiện các mục tiêu chính sách công, ổn định kinh tế vĩ mô và đảm bảo an ninh - quốc phòng<sup>2</sup>.

- Các nghĩa vụ chính của Chương DNNN là:

+ Hoạt động theo cơ chế thị trường, nghĩa là doanh nghiệp có quyền tự quyết định trong hoạt động kinh doanh và không có sự can thiệp hành chính của Nhà nước, ngoại trừ trường hợp thực hiện mục tiêu chính sách công.

+ Không có sự phân biệt đối xử trong mua bán hàng hóa, dịch vụ đối với những ngành, lĩnh vực đã mở cửa.

+ Minh bạch hóa các thông tin cơ bản của doanh nghiệp phù hợp với quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

### **2.6. Thương mại điện tử**

Để phát triển thương mại điện tử giữa Việt Nam và EU, hai bên cam kết không đánh thuế nhập khẩu đối với giao dịch điện tử. Hai bên cũng cam kết hợp tác thông qua việc duy trì đối thoại về các vấn đề quản lý được đặt ra trong thương mại điện tử, bao gồm:

- Trách nhiệm của các nhà cung cấp dịch vụ trung gian trong việc truyền dẫn hay lưu trữ thông tin.

- Ứng xử với các hình thức liên lạc điện tử trong thương mại không được sự cho phép của người nhận, như: Thư điện tử chào hàng, quảng cáo...

- Bảo vệ người tiêu dùng khi tham gia giao dịch điện tử.

<sup>2</sup> Hiệp định EVFTA chỉ điều chỉnh hoạt động thương mại của các doanh nghiệp do Nhà nước sở hữu hoặc kiểm soát và doanh nghiệp độc quyền có quy mô hoạt động thương mại đủ lớn đến mức có ý nghĩa trong cạnh tranh.



## **2.7. Minh bạch hóa**

Xuất phát từ thực tiễn môi trường pháp lý trong nước có ảnh hưởng lớn đến thương mại, Hiệp định EVFTA dành một chương riêng về minh bạch hóa với các yêu cầu chung nhất để đảm bảo một môi trường pháp lý hiệu quả và có thể dự đoán được cho các chủ thể kinh tế, đặc biệt là doanh nghiệp vừa và nhỏ.

## **2.8. Thương mại và phát triển bền vững**

Hai bên khẳng định cam kết theo đuổi phát triển bền vững, bao gồm phát triển kinh tế, phát triển xã hội và bảo vệ môi trường. Về vấn đề lao động, với tư cách là thành viên của Tổ chức Lao động quốc tế (ILO), hai bên cam kết tôn trọng, thúc đẩy và thực hiện Tuyên bố 1998 của ILO về những nguyên tắc và quyền cơ bản trong lao động, bao gồm việc thúc đẩy phê chuẩn và thực thi có hiệu quả các Công ước cơ bản của ILO.

## **2.9. Các nội dung khác của Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam - Liên minh châu Âu**

Hiệp định EVFTA cũng bao gồm các Chương liên quan tới hợp tác và xây dựng năng lực, pháp lý - thể chế, chính sách cạnh tranh và trợ cấp. Các nội dung này phù hợp với hệ thống pháp luật của Việt Nam, tạo khuôn khổ pháp lý để hai bên tăng cường hợp tác, thúc đẩy sự phát triển của thương mại và đầu tư giữa hai Bên.

# **II. CƠ HỘI VÀ THÁCH THỨC TỪ HIỆP ĐỊNH THƯƠNG MẠI TỰ DO VIỆT NAM - LIÊN MINH CHÂU ÂU**

## **1. Cơ hội từ Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam - Liên minh châu Âu**

### **1.1. Về khía cạnh chính trị, an ninh quốc gia và chiến lược đối ngoại**

- Ở góc độ song phương: Việc ký kết và phê chuẩn Hiệp định EVFTA là phù hợp với chính sách đối ngoại đa phương hóa, đa dạng hóa và chủ trương của Việt Nam trong việc đưa quan hệ với các đối tác lớn, trong đó có EU, đi vào chiều sâu, tăng cường đan xen lợi ích chiến lược, góp phần giữ vững môi trường hòa bình, nâng cao vị thế quốc tế của Việt Nam, tranh thủ sự ủng hộ của EU cho việc thực hiện các mục tiêu kinh tế - xã hội, chính trị, đối ngoại nhiều mặt của Việt Nam hiện nay.

- Ở góc độ đa phương: Với việc Việt Nam đảm nhiệm vai trò Chủ tịch Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) năm 2020, Hiệp định EVFTA sẽ làm gia tăng vai trò, vị thế của Việt Nam trong quan hệ EU - ASEAN cũng như tạo hình mẫu cho một hiệp định thương mại tự do giữa ASEAN với EU trong tương lai.

### **1.2. Về khía cạnh kinh tế**

#### **1.2.1. Tác động tới tăng trưởng**

Hiệp định EVFTA dự kiến sẽ góp phần làm tổng sản phẩm quốc nội (GDP) tăng thêm ở mức bình quân từ 2,18 đến 3,25% (cho giai đoạn 05 năm đầu thực hiện), 4,57-5,30% (cho giai đoạn 05 năm tiếp theo) và 7,07-7,72% (cho giai đoạn 05 năm sau đó).

#### **1.2.2. Tác động đến thương mại**



- *Về xuất khẩu:* Hiệp định EVFTA dự kiến giúp kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam sang EU tăng thêm khoảng 42,7% vào năm 2025 và 44,37% vào năm 2030 so với không có Hiệp định<sup>3</sup>.

- *Về nhập khẩu:* Nhập khẩu của Việt Nam từ EU tăng khoảng 33,06% vào năm 2025 và 36,7% vào năm 2030<sup>4</sup>.

### **1.2.3. Tác động tới đầu tư trực tiếp nước ngoài**

- *Về chất lượng đầu tư:* Với Hiệp định EVFTA, đầu tư từ các đối tác có nguồn gốc từ các nước phát triển sẽ tăng do Việt Nam tăng cường mở cửa thị trường hàng hóa cũng như dịch vụ cho các doanh nghiệp EU. Điều này sẽ tạo ra những động lực mới cho dòng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) vào Việt Nam.

- *Về cơ cấu lĩnh vực đầu tư:* Với Hiệp định EVFTA, cơ cấu dòng vốn FDI vào những lĩnh vực đầu tư còn dư địa lớn tại Việt Nam và EU cũng có thể mạnh như năng lượng sạch, năng lượng tái tạo...

### **1.2.4. Tác động đến ngân sách Nhà nước**

- Cắt giảm thuế quan theo Hiệp định EVFTA sẽ có tác động hai chiều đến nguồn thu ngân sách nhà nước (NSNN): Một là giảm thu NSNN do giảm thuế nhập khẩu và thuế xuất khẩu. Hai là, tăng thu NSNN do có thu thêm từ thu nội địa dưới tác động tích cực của thương mại, đầu tư và tăng trưởng kinh tế<sup>5</sup>.

## **1.3. Tác động theo ngành**

- *Ngành thủy sản:* Hiệp định EVFTA sẽ đem lại tiềm năng thị trường lớn cho xuất khẩu thủy sản Việt Nam. Tuy nhiên, nhiều khó khăn cả ngắn và dài hạn (chủ động được nguồn nguyên liệu, con giống, chống đánh bắt cá bất hợp pháp, giải quyết vấn đề hóa chất kháng sinh trong sản phẩm thủy sản) và hàng rào phi thuế quan khá cao từ EU là những thách thức rất lớn. Dự kiến xuất khẩu mặt hàng này vào EU sẽ tăng với tốc độ trung bình 2%/năm trong giai đoạn 2020 - 2030, trong khi nhập khẩu từ EU có thể tăng cao hơn (trong khoảng 2,8% - 5%).

- *Ngành dệt may:* Dự báo kim ngạch xuất khẩu hàng dệt may vào thị trường EU sẽ tăng nhanh với mức khoảng 67% đến năm 2025 so với kịch bản không có Hiệp định. Về sản lượng, Hiệp định EVFTA có tác động tích cực tới sản lượng với tốc độ tăng 6% (với ngành dệt) và 14% (với ngành may) vào năm 2030.

- *Ngành da giày:* Hiệp định EVFTA khi có hiệu lực sẽ góp phần làm gia tăng đáng kể xuất khẩu giày da vào EU. Tốc độ tăng xuất khẩu vào EU dự báo sẽ gấp đôi vào năm 2025, và tổng xuất khẩu giày da cũng sẽ tăng khoảng 34%, sản lượng của toàn ngành tăng ở mức 31,8%.

<sup>3</sup> Tốc độ tăng trưởng xuất khẩu của một số ngành sang EU như sau: Nhóm hàng nông sản: gạo (tăng thêm 65% vào năm 2025), đường (8%), thịt lợn (4%), lâm sản (3%), thịt gia súc gia cầm (4%), đồ uống và thuốc lá (5%). Nhóm ngành chế biến chế tạo tăng: dệt (67%), may mặc (81%), da giày (99%). Nhóm ngành dịch vụ tăng: vận tải thủy (100%), vận tải hàng không (141%), tài chính và bảo hiểm (21%), các dịch vụ phục vụ kinh doanh khác (80%).

<sup>4</sup> Nhóm hàng được dự báo tăng nhập khẩu nhiều nhất từ EU là phương tiện và thiết bị vận tải, chiếm khoảng 12% tổng giá trị nhập khẩu tăng thêm, nhóm hàng máy móc thiết bị (10%), dệt may và điện thoại và linh kiện điện tử (6% - 7%), nông, lâm, thủy sản (5%).

<sup>5</sup> Dự kiến tổng mức giảm thu NSNN từ giảm thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu theo lộ trình của Hiệp định EVFTA là 2.537,3 tỷ đồng. Mặt khác, thu NSNN tăng lên do thu nội địa từ tác động tăng trưởng của Hiệp định EVFTA là 7.000 tỷ đồng trong giai đoạn 2020 - 2030.



- *Ngành điện tử, máy vi tính*: Theo biểu thuế hiện hành của EU thì thuế nhập khẩu đối với mặt hàng máy tính điện tử (máy vi tính), sản phẩm điện tử (hàng tiêu dùng cuối cùng) hầu hết có thuế suất bằng 0%, hoặc thuế suất dưới 10% nên khi Hiệp định EVFTA có hiệu lực sẽ tác động không đáng kể tới xuất khẩu từ Việt Nam.

- *Ngành máy móc, phụ tùng*: Việt Nam là nước nhập khẩu lớn đối với mặt hàng máy móc thiết bị, trong khi đó EU là nước có thể mạnh về mặt hàng máy móc thiết bị và là thị trường nhập khẩu lớn thứ tư của Việt Nam đối với mặt hàng này. Do máy móc thiết bị của EU có công nghệ cao hơn một số thị trường truyền thống khác nên điều này có thể tạo cơ hội để Việt Nam cải thiện công nghệ sản xuất trong nước.

- *Ngành dược phẩm*: Hiệp định EVFTA về thuế quan đối với dược phẩm có thể không tạo ra thay đổi gì lớn trong tương lai gần đối với việc xuất, nhập khẩu dược phẩm giữa Việt Nam và EU. Tuy nhiên, các cam kết liên quan tới dược phẩm ở các khía cạnh khác sẽ có tác động đáng kể tới thị trường và doanh nghiệp dược Việt Nam khi Hiệp định EVFTA có hiệu lực, theo hướng: Dược phẩm từ EU sẽ vào Việt Nam thuận lợi, dễ dàng và trực tiếp hơn; mức độ bảo hộ sở hữu trí tuệ đối với dược phẩm sẽ được tăng cường, khiến một số loại dược phẩm có thể chậm được giảm giá hơn; cạnh tranh gay gắt hơn trong các gói thầu cung cấp thuốc cho các bệnh viện Việt Nam (trong nhóm đã cam kết mở cửa cho nhà thầu EU).

- *Ngành dịch vụ tài chính, ngân hàng, bảo hiểm*: Tác động của mở cửa dịch vụ với nhóm ngành này là tích cực trên các góc độ cầu về dịch vụ, cơ hội hợp tác với các doanh nghiệp từ EU. Đến năm 2025, xuất khẩu dịch vụ tài chính, bảo hiểm của Việt Nam sẽ tăng khoảng 21%, nhập khẩu sẽ tăng 9,65%.

- *Ngành logistics*<sup>6</sup>: Hiệp định EVFTA có thể ảnh hưởng đến triển vọng phát triển ngành logistics ở 2 góc độ: Cam kết mở cửa thị trường của Việt Nam và EU trong lĩnh vực vận tải và phục vụ vận tải; cam kết trong các lĩnh vực ảnh hưởng đến dung lượng thị trường dịch vụ logistics trên các góc độ quy mô, chất lượng dịch vụ, nhu cầu mở rộng công suất, thực hiện dịch vụ.

#### **1.4. Tác động thể chế**

Hiệp định EVFTA sẽ là cơ hội để ta tiếp tục cải cách thể chế - pháp luật theo hướng tiệm cận với chuẩn mực quốc tế, hoàn thiện môi trường kinh doanh theo hướng thông thoáng, minh bạch và dễ dự đoán hơn, từ đó thúc đẩy cả đầu tư trong nước lẫn đầu tư nước ngoài cũng như các hoạt động kinh doanh khác, bao gồm các giao dịch xuyên quốc gia, các loại hình dịch vụ cung cấp qua biên giới...

#### **1.5. Về khía cạnh an sinh xã hội**

- Hiệp định EVFTA dự kiến giúp tăng thêm việc làm khoảng 146.000/năm, tập trung vào những ngành thâm dụng lao động và có tốc độ xuất khẩu cao sang thị trường EU. Mức tăng thêm việc làm trong một số ngành dự kiến như sau: dệt may tăng 71.300 (năm 2025) và 72.600 (năm 2030) mức tăng tương ứng so với năm 2018 là 1,2%, 2,3% và 2,4%; ngành da giày có tốc độ tăng việc làm là 4,3% và 3,8% vào các năm 2025 và 2030. Một số ngành khác cũng có số lượng việc làm tăng cao là vận tải hàng không (1,5% vào năm 2025), vận tải thủy (0,9% vào năm 2025). Tuy nhiên

<sup>6</sup> Ngành logistics là dịch vụ vận chuyển hàng hóa tối ưu nhất từ nơi sản xuất, cung cấp đến tay người tiêu dùng.



một số ngành sẽ chịu tác động giảm việc làm như ngành lâm nghiệp, khai khoáng, sản xuất lúa gạo với mức giảm từ 0,26 đến 0,36%/năm.

- Hiệp định EVFTA còn được dự báo sẽ giúp tăng tiền lương của người lao động thông qua hoạt động của thị trường hiệu quả hơn và tác động lan toả về tiền lương từ các doanh nghiệp FDI. Theo tính toán, mức lương của các doanh nghiệp FDI sẽ cao hơn khoảng gần 1% so với doanh nghiệp trong nước.

## **2. Thách thức và giải pháp**

- *Thứ nhất*, Việt Nam cam kết mở cửa thị trường với hàng hóa, dịch vụ cho EU, tạo ra sức ép cạnh tranh nhất định cho nền kinh tế, doanh nghiệp và hàng hóa, dịch vụ của ta. Tuy nhiên, đây là sức ép cạnh tranh lành mạnh, có chọn lọc và theo lộ trình phù hợp.

Để đối phó với áp lực cạnh tranh, hỗ trợ các doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp vừa và nhỏ tận dụng tối đa cơ hội cũng như giảm thiểu thách thức gặp phải trong quá trình thực thi Hiệp định, Chính phủ đã và đang chỉ đạo các Bộ, ngành tiếp tục đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền, hướng dẫn nhằm nâng cao nhận thức và sự hiểu biết của doanh nghiệp về các quy định, cam kết của Hiệp định. Bên cạnh đó, Chính phủ cũng chỉ đạo các Bộ, ngành chủ động nghiên cứu, vận dụng các biện pháp được phép áp dụng theo các cam kết quốc tế của Việt Nam nói chung và Hiệp định EVFTA nói riêng để hỗ trợ cũng như bảo vệ lợi ích chính đáng của các ngành trong nước trước sự cạnh tranh của hàng nước ngoài.

- *Thứ hai*, Hiệp định EVFTA bao gồm những quy định, quy tắc chặt chẽ về thủ tục đầu tư, hải quan, thuận lợi hóa thương mại, tiêu chuẩn kỹ thuật, các biện pháp kiểm dịch động, thực vật, sở hữu trí tuệ, mua sắm của chính phủ, phát triển bền vững... Thực hiện đầy đủ các quy định này đòi hỏi cải cách hệ thống pháp lý của Việt Nam. Tuy nhiên, về cơ bản, việc này cũng phù hợp với chủ trương cải cách thủ tục hành chính, tăng cường hiệu quả của mua sắm công, đổi mới mô hình tăng trưởng của ta. Mặt khác, công việc này cũng đã và đang được Chính phủ triển khai hết sức chủ động và khẩn trương.

- *Thứ ba*, các cam kết về lao động trong đó bao gồm việc cho phép thành lập tổ chức của người lao động tại doanh nghiệp để thực thi các cam kết về thương mại và phát triển bền vững với sự tham gia của đại diện người lao động, đại diện các doanh nghiệp, các nhà khoa học và các tổ chức phi chính phủ tại Việt Nam có thể làm gia tăng sức ép về giám sát xã hội trong quá trình thực thi Hiệp định và từ đó đặt ra những thách thức nhất định đối với Việt Nam. Dù vậy, trong thời gian qua, Chính phủ đã thảo luận và cân nhắc rất kỹ về định hướng, lộ trình, cách thức sửa đổi các văn bản pháp luật trong nước, phê chuẩn các công ước của ILO cũng như công tác chuẩn bị về pháp lý và hành chính đối với việc thành lập tổ chức của người lao động. Những thách thức nảy sinh sẽ được giải quyết thông qua việc xây dựng những quy định phù hợp về điều kiện, thủ tục thành lập, quản lý đăng ký hoạt động, chế tài xử lý đối với những hành vi vi phạm.

---



**Chuyên đề 02:**

**KẾT QUẢ NỔI BẬT SAU 10 NĂM THỰC HIỆN CHỈ THỊ SỐ 61-CT/TU,  
NGÀY 31/5/2010 CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY VỀ TĂNG CƯỜNG  
SỰ LÃNH ĐẠO CỦA CÁC CẤP ỦY ĐẢNG ĐỐI VỚI CÔNG TÁC DUY TRÌ  
KẾT QUẢ PHỔ CẬP GIÁO DỤC TIỂU HỌC, TRUNG HỌC CƠ SỞ VÀ  
ĐẨY MẠNH PHỔ CẬP GIÁO DỤC TIỂU HỌC ĐÚNG ĐỘ TUỔI**

**I. CÔNG TÁC LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO**

Tỉnh ủy đã chỉ đạo tổ chức Hội nghị quán triệt, triển khai thực hiện Chỉ thị số 61-CT/TU, ngày 31/5/2010 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng đối với công tác duy trì kết quả phổ cập giáo dục (PCGD) tiểu học, trung học cơ sở và đẩy mạnh phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi (gọi tắt là Chỉ thị số 61-CT/TU) tới các đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, lãnh đạo các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh, các huyện, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy; ban hành Nghị quyết số 13-NQ/TU, ngày 09/02/2012 Hội nghị lần thứ 08 Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về tiếp tục thực hiện PCGD và nâng cao chất lượng giáo dục - đào tạo giai đoạn 2012 - 2015 (*Nghị quyết số 13-NQ/TU*); Chương trình hành động số 26-CTr/TU, ngày 21/5/2012 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Chỉ thị số 10-CT/TW, ngày 05/12/2011 của Bộ Chính trị về PCGD mầm non cho trẻ em 5 tuổi, củng cố kết quả PCGD tiểu học và trung học cơ sở, tăng cường phân luồng học sinh sau trung học cơ sở và xóa mù chữ cho người lớn (*Chương trình số 26-CTr/TU*).

Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết số 07/2014/NQ-HĐND, ngày 11/7/2014 về mức chi hỗ trợ PCGD mầm non 5 tuổi, xoá mù chữ và chống tái mù chữ, duy trì kết quả phổ cập giáo dục tiểu học (PCGDTH), thực hiện phổ cập giáo dục trung học cơ sở (PCGD THCS) đúng độ tuổi trên địa bàn tỉnh Cao Bằng (*Nghị quyết số 07/2014/NQ-HĐND*).

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch số 1852/KH-UBND, ngày 13/7/2016 về kế hoạch thực hiện nhiệm vụ phổ cập giáo dục, xoá mù chữ (PCGD, XMC) giai đoạn 2016 - 2020 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng (*Kế hoạch số 1852/KH-UBND*); thành lập Ban chỉ đạo PCGD cấp tỉnh và kiện toàn Ban chỉ đạo (BCĐ) PCGD (*khi có thay đổi về nhân sự*) giai đoạn 2010 - 2015, 2016 - 2020.

Ngành giáo dục - đào tạo tham mưu cho tỉnh, BCĐ PCGD cấp tỉnh ban hành các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện công tác PCGD của tỉnh<sup>7</sup>; tổ chức phổ biến, quán triệt việc thực hiện Chỉ thị số 61-CT/TU của Tỉnh ủy trong toàn ngành, hướng dẫn các đơn vị tổ chức thực hiện công tác PCGDTH đúng độ tuổi (ĐĐT), PCGD THCS thông qua Hội nghị triển khai nhiệm vụ năm học; hằng năm kiểm tra đánh giá và công nhận cấp huyện, thành phố về tiêu chuẩn PCGDTH, THCS; chủ động tham

---

<sup>7</sup> Chỉ thị số 61-CT/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy; Nghị quyết số 13-NQ/TU Hội nghị lần thứ 08 Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh; Chương trình hành động số 26-CTr/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy; Nghị quyết số 07/2014/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh; Kế hoạch số 1852/KH-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh; các Quyết định thành lập Ban chỉ đạo PCGD cấp tỉnh và Quyết định kiện toàn Ban Chỉ đạo PCGD cấp tỉnh giai đoạn 2010-2015, 2016-2020; Quyết định theo từng năm về kiểm tra công nhận kết quả PCGD tại các huyện, thành phố.



mưu cho các cấp uỷ đảng, chính quyền trong chỉ đạo thực hiện Chỉ thị số 61-CT/TU và các văn bản chỉ đạo của Trung ương, của tỉnh về công tác PCGD.

Cấp uỷ, chính quyền các huyện, thành phố tổ chức học tập, quán triệt Chỉ thị đến toàn thể cán bộ, đảng viên và nhân dân; xây dựng và ban hành kế hoạch, chương trình hành động chỉ đạo triển khai thực hiện; đưa nội dung công tác phổ cập giáo dục vào mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương trong từng năm và cả giai đoạn; hằng năm, tổ chức kiểm điểm, sơ kết việc triển khai thực hiện công tác PCGD, XMC...BCĐ PCGD các cấp làm tốt công tác huy động và duy trì học sinh từ 6 -14 tuổi đi học<sup>8</sup>.

## II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

### 1. Công tác tuyên truyền

Tỉnh uỷ chỉ đạo tuyên truyền sâu rộng tới cán bộ, đảng viên và nhân dân về mục đích, ý nghĩa của công tác PCGD, XMC, duy trì kết quả PCGDTH, THCS và đẩy mạnh PCGDTH ĐĐT; chỉ đạo tổ chức hội nghị báo cáo viên thường kỳ các cấp và giao ban báo chí định kỳ hằng tháng để kịp thời định hướng các cơ quan, đơn vị, báo chí, báo cáo viên các cấp thực hiện tốt công tác tuyên truyền trên các lĩnh vực, trong đó chú trọng tuyên truyền Chỉ thị số 61-CT/TU của Tỉnh uỷ.

Ngành GD&ĐT thường xuyên phối hợp với các cơ quan liên quan tuyên truyền, vận động các tầng lớp nhân dân tích cực tham gia công tác phổ cập giáo dục và thực hiện tốt Chỉ thị số 61-CT/TU; tích cực, chủ động phối hợp với các ban, ngành liên quan tham mưu cho cấp uỷ, chính quyền, BCĐ PCGD các cấp xác định chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp thực hiện công tác PCGDTH ĐĐT, PCGD THCS các điều kiện thực hiện nhiệm vụ PCGD; thường xuyên nắm bắt tình hình thực hiện nhiệm vụ PCGD và đưa ra những giải pháp cụ thể để nâng cao chất lượng PCGD, duy trì kết quả PCGDTH ĐĐT, PCGD THCS và đẩy mạnh PCGDTH ĐĐT; cân đối, bố trí lồng ghép các nguồn lực từ chương trình mục tiêu, các dự án, huy động xã hội hóa giáo dục để tăng cường cơ sở vật chất đáp ứng yêu cầu của công tác PCGD<sup>9</sup>.

Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh, Báo Cao Bằng thường xuyên viết bài, đăng tin người tốt, việc tốt trong công tác PCGD<sup>10</sup>. Nhiều bài viết, bản tin đã có tác dụng thiết thực động viên các xã, phường, nhà trường phấn khởi tích cực thực hiện Chỉ thị số 61-CT/TU.

Các cấp uỷ đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể, các cơ quan, đơn vị đã chủ động đẩy mạnh công tác tuyên truyền về mục đích, ý nghĩa của công tác PCGD, duy trì kết quả PCGDTH, THCS và đẩy mạnh PCGDTH ĐĐT, đặc biệt, tập trung vào cụm xã vùng sâu, vùng xa, những nơi có điều kiện kinh tế khó khăn;

<sup>8</sup> Nhiều đảng bộ, chi bộ, thôn bản đã vận động các con, cháu học bỏ tục văn hoá góp phần quan trọng trong việc thực hiện các tiêu chuẩn PCGD, XMC, phấn đấu hoàn thành kế hoạch đã đề ra.

<sup>9</sup> Năm 2012, Sở Giáo dục và Đào tạo cùng các ban ngành, tổ chức đoàn thể đã tổ chức quyên góp, ủng hộ học sinh vùng khó khăn sách, vở, bút và kinh phí để hỗ trợ gia đình khó khăn, động viên học sinh đến trường (kết quả đã quyên góp, ủng hộ được khoảng 10.000 cuốn sách, 15.000 quyển vở, 15.000 quân bút; số tiền 50.000.000 đồng). Đặc biệt hội khuyến học phát động phong trào "gia đình hiếu học" biểu dương tuyên truyền những gương sáng về gia đình hiếu học, chỉ đạo hội khuyến học xã, phường và các chi hội nông thôn tham gia vận động học sinh đi học đúng độ tuổi, chống thất học, bỏ học.

<sup>10</sup> Từ năm 2010 đến năm 2019 toàn tỉnh có khoảng 130 tin và 20 bài viết đưa tin về công tác PCGDTH ĐĐT, PCGD THCS để tuyên truyền sâu rộng trong nhân dân.



phối hợp với nhà trường đến từng hộ gia đình tuyên truyền, vận động học sinh đến trường.

Thông qua công tác tuyên truyền thực hiện Chỉ thị số 61-CT/TU, nhận thức của các cấp, các ngành, cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân về mục đích, ý nghĩa và trách nhiệm đối với việc thực hiện PCGD, duy trì kết quả PCGDTH, THCS và đẩy mạnh PCGDTH ĐĐT từng bước được nâng cao, quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện đạt kết quả quan trọng, góp phần nâng cao dân trí, phát triển nguồn nhân lực, đóng góp vào sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

## **2. Công tác bảo đảm các điều kiện duy trì kết quả phổ cập giáo dục tiểu học, trung học cơ sở và đẩy mạnh phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi**

### **2.1. Về đội ngũ**

Thực hiện tốt quy hoạch và phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục, bố trí sắp xếp đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục đủ về số lượng, cơ bản đảm bảo chất lượng, đạt chuẩn trình độ đào tạo theo quy định, phù hợp với tình hình thực tế của địa phương<sup>11</sup>.

### **2.2. Về cơ sở vật chất**

Luôn được cấp ủy đảng, chính quyền các cấp quan tâm chỉ đạo, tập trung huy động nhiều nguồn lực để tăng cường đầu tư xây dựng trường, lớp học theo hướng kiên cố hóa, hiện đại hóa, các cơ sở giáo dục từng bước nâng cấp<sup>12</sup>. Các phòng học bộ môn, thư viện, thí nghiệm trường học từng bước được đầu tư xây dựng; thiết bị dạy học được đầu tư theo chương trình đổi mới giáo dục phổ thông. Sân chơi, bãi tập, vườn trường, tường rào và khuôn viên trường học được cải thiện theo hướng khang trang, xanh, sạch, đẹp. Các trường được đầu tư thiết bị máy vi tính và nối mạng internet phục vụ công tác quản lý, chỉ đạo và tổ chức các hoạt động dạy, học. Cơ sở vật chất cơ bản đáp ứng yêu cầu dạy, học, nâng cao chất lượng giáo dục, từng bước đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục<sup>13</sup>.

### **2.3. Về quy hoạch mạng lưới trường lớp**

Thực hiện chỉ đạo của UBND tỉnh, UBND cấp huyện đã tổ chức rà soát, quy hoạch mạng lưới trường, lớp học trên địa bàn; chỉ đạo các cơ quan chức năng, chuyên môn cấp huyện cân đối nguồn vốn đầu tư, quỹ đất, phân bổ hợp lý kinh phí đầu tư cho phát triển giáo dục, bảo đảm các tiêu chuẩn kiểm định chất lượng cơ sở

<sup>11</sup> Tính đến tháng 12/2019, trên toàn tỉnh: Cấp tiểu học: Có 4.024 giáo viên tiểu học trực tiếp giảng dạy đạt tỷ lệ 1,46 giáo viên/lớp; 100% giáo viên tiểu học đạt chuẩn và trên chuẩn về trình độ đào tạo, trong đó có 86,11% giáo viên trên chuẩn, đảm bảo đủ số lượng giáo viên để dạy các môn học; cấp THCS: Có 2.284 giáo viên trung học cơ sở trực tiếp giảng dạy đạt tỷ lệ 1,99 giáo viên/lớp; 100% giáo viên trung học cơ sở đạt chuẩn và trên chuẩn về trình độ đào tạo, trong đó có 1.450 giáo viên đạt trình độ trên chuẩn, chiếm 63,5%, đảm bảo đủ số lượng giáo viên để dạy các môn học.

<sup>12</sup> Cấp huyện, cấp xã đã có nhiều biện pháp chỉ đạo phong phú, tích cực, triển khai mạnh mẽ công tác xã hội hoá giáo dục, huy động các đơn vị và nhân dân ở trên địa bàn giúp đỡ về kinh phí, nhân lực và vật lực để tu sửa trường lớp, xây thêm nhà ở nội trú cho học sinh học bán trú.

Các phòng GD&ĐT làm tốt vai trò tham mưu cho UBND, BCĐ PCGD cấp huyện về xây dựng kế hoạch và chỉ đạo triển khai lộ trình PCGDTH ĐĐT, PCGD THCS tại địa phương, nhất là việc chú trọng đầu tư cơ sở vật chất trường học, mua sắm trang thiết bị, xây thêm nhà công vụ cho giáo viên và nhà bán trú cho học sinh.

<sup>13</sup> Hiện nay, trên toàn tỉnh: 100% trường tiểu học, Trung học cơ sở, Trung học phổ thông có đủ thiết bị dạy học tối thiểu cơ bản đáp ứng yêu cầu dạy học; 12% số trường có thư viện đạt chuẩn; hầu hết các trường có tủ sách dùng chung. Cấp tiểu học: có 3.122 phòng học đáp ứng cho 2.751 lớp học, đạt tỷ lệ 1,13 phòng học/lớp; cấp THCS: có 1.177 phòng học; số lớp học là 1.107; tỉ lệ phòng học /lớp 1,06.



giáo dục; mở rộng loại hình trường (trường phổ thông Dân tộc nội trú, phổ thông Dân tộc bán trú), quan tâm chăm lo và thực hiện tốt chế độ chính sách đối với giáo viên, nhất là giáo viên ở vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng đặc biệt khó khăn. Tiếp tục thực hiện quy hoạch mạng lưới trường lớp, sắp xếp trường, điểm trường nhằm giảm số điểm trường lẻ, trường có quy mô nhỏ; sáp nhập các điểm trường lẻ, trường có quy mô nhỏ; đưa học sinh từ điểm trường lẻ về học tại trường chính, mở rộng quỹ đất xây dựng. Phần đầu toàn tỉnh có một mạng lưới trường, lớp có tính phù hợp cao, vừa đáp ứng tốt yêu cầu trước mắt, vừa đảm bảo ổn định, và phát triển lâu dài. Tính đến tháng 12/2019, hệ thống mạng lưới trường, lớp phát triển đáp ứng cơ bản nhu cầu học tập của con em nhân dân các dân tộc trong tỉnh<sup>14</sup>.

#### **2.4. Về kinh phí**

Kinh phí cho công tác PCGD luôn được lãnh đạo tỉnh quan tâm, chỉ đạo. Ngành GD&ĐT làm tốt công tác xã hội hóa giáo dục, tăng cường tuyên truyền, kêu gọi các tổ chức đoàn thể xã hội phối hợp với chính quyền địa phương và các cơ quan, ban, ngành trong tỉnh vận động, huy động sự đóng góp nguồn lực từ các doanh nghiệp, các tổ chức, các nhà hảo tâm...đóng góp công sức, tiền của để hỗ trợ xây dựng mới, sửa nâng cấp trường, lớp học, nhà công vụ cho giáo viên, mua sắm bổ sung trang thiết bị dạy học, đồ dùng đồ chơi cho các cơ sở giáo dục<sup>15</sup>...

Thực hiện mục tiêu chuẩn hoá, hiện đại hoá trường học, những năm qua, nguồn kinh phí xây trường học trên địa bàn tỉnh được huy động từ nhiều nguồn khác nhau<sup>16</sup>. Đến nay, cơ sở vật chất, trường học của tỉnh có những bước phát triển, tỷ lệ kiên cố hóa trường lớp học tương đối cao (*phòng học từ cấp 4 trở lên đạt 96,14%*), các trường đều được trang bị tương đối đầy đủ, đồng bộ thiết bị dạy học tối thiểu theo quy định của Bộ GD&ĐT; các đơn vị đã sử dụng kinh phí đúng quy định đảm bảo đáp ứng được các công việc liên quan đến nhiệm vụ PCGD, XMC. Các điều kiện phục vụ cho dạy, học cơ bản được đáp ứng.

### **3. Công tác duy trì phổ cập giáo dục tiểu học, trung học cơ sở và đẩy mạnh phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi**

#### **3.1. Duy trì phổ cập giáo dục tiểu học và đẩy mạnh phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi**

Năm 2010, toàn tỉnh có 196/199 đơn vị cấp xã đạt PCGD, chống mù chữ (CMC); 142/199 đơn vị cấp xã đạt chuẩn PCGDTH ĐĐT; có 06/13 đơn vị cấp huyện đạt chuẩn PCGDTH ĐĐT. Tháng 10/2012, tỉnh Cao Bằng được Bộ GD&ĐT công

<sup>14</sup> Toàn tỉnh hiện có: 184 trường mầm non, mẫu giáo, 04 trường tiểu học, 05 trường tiểu học và trung học cơ sở, 08 trường phổ thông cơ sở có nhóm, lớp mầm non, huy động được 34.689 trẻ ra lớp; 217 trường tiểu học, tiểu học và trung học cơ sở, trong đó có 130 trường tiểu học và 87 trường liên cấp tiểu học và trung học cơ sở với 48.575 học sinh tiểu học; 190 trường trung học cơ sở công lập (trong đó có 06 trường trung học phổ thông có khối trung học cơ sở); 01 Trung tâm Giáo dục thường xuyên tỉnh (sáp nhập Trung tâm Kỹ thuật Tổng hợp Hướng nghiệp; Trung tâm Giáo dục Hòa nhập trẻ khuyết tật và Trung tâm GDTX tỉnh); 01 trường Cao đẳng Sư phạm; 12 Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên cấp huyện, 199 trung tâm học tập cộng đồng cấp xã.

<sup>15</sup> Trong những năm qua Ngành Giáo dục tỉnh đã kêu gọi huy động được số kinh phí là: 2.050.000.000 (hai tỉ không trăm năm mươi triệu đồng) từ các tổ chức, doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh ủng hộ giúp đỡ xây dựng mới và sửa chữa một số hạng mục công trình trường học thuộc một số cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh.

<sup>16</sup> Đầu tư của nhà nước qua chương trình kiên cố hóa trường lớp từ nguồn ngân sách địa phương, sự đóng góp của nhân dân dưới nhiều hình thức, sự đóng góp của các doanh nghiệp, các nhà hảo tâm,...



nhận PCGDTH ĐĐT mức độ 1. Thực hiện Nghị định số 20/2014/NĐ-CP ngày 24/3/2014 của Chính phủ về PCGD, XMC, thời điểm tháng 12/2016 toàn tỉnh có 199/199 đơn vị cấp xã đạt chuẩn PCGDTH; 13/13 huyện, thành phố (06 huyện đạt chuẩn mức độ 2; 07 huyện đạt chuẩn mức độ 3) đến tháng 12/2017, tỉnh Cao Bằng được Bộ GD&ĐT công nhận đạt chuẩn PCGDTH mức độ 2. Tại thời điểm tháng 12/2019, toàn tỉnh tiếp tục duy trì, nâng cao kết quả đạt chuẩn PCGDTH mức độ 2<sup>17</sup>.

### **3.2. Duy trì phổ cập giáo dục trung học cơ sở**

Năm 2010, toàn tỉnh có 196/199 đơn vị cấp xã đạt chuẩn PCGD THCS; 13/13 đơn vị cấp huyện đạt chuẩn PCGD THCS. Thực hiện Nghị định số 20/2014/NĐ-CP, ngày 24/3/2014 của Chính phủ về PCGD, XMC, thời điểm tháng 12/2016 toàn tỉnh có 11 huyện đạt chuẩn mức độ 1, 02 huyện đạt chuẩn mức độ 2 đến tháng 12/2017, tỉnh Cao Bằng được Bộ GD&ĐT công nhận đạt chuẩn PCGD THCS mức độ 1. Tại thời điểm tháng 12/2019, toàn tỉnh có 199/199 đơn vị cấp xã; 13/13 đơn vị cấp huyện duy trì và giữ vững đạt chuẩn PCGD THCS.

## **4. Một số hạn chế và nguyên nhân**

### **4.1. Hạn chế**

- Việc huy động nguồn lực, đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, trang thiết bị cho các cơ sở giáo dục chưa đáp ứng được mục tiêu công tác phổ cập giáo dục.

- Phòng học tại một số cơ sở giáo dục chưa đạt chuẩn (*thiếu ánh sáng, diện tích hẹp, bàn ghế chưa đúng quy cách, ... Một số trường học thiếu sân chơi, bãi tập, thiếu cơ sở vật chất. Thiếu các phòng chức năng, một số thiết bị dạy học xuống cấp, hỏng không đáp ứng yêu cầu*).

- Công tác xây dựng trường học xanh, sạch, đẹp đã được các trường quan tâm song ở một số trường chất lượng hạn chế; có trường chất lượng công trình vệ sinh chưa đảm bảo; tiến độ thực hiện đầu tư xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia còn chậm, chưa được ưu tiên đúng mức (*thiếu các hạng mục cơ sở vật chất như các phòng học chức năng, khu vệ sinh, nguồn nước sạch, sân chơi, bãi tập...*)

### **4.2. Nguyên nhân**

- Địa bàn của tỉnh rộng, địa hình chia cắt, giao thông đi lại khó khăn; số điểm trường còn nhiều kinh phí đầu tư xây dựng trường, lớp và mua sắm cơ sở vật chất còn hạn hẹp do đó việc đầu tư chưa tập trung; chi phí đầu tư cao;

- Một số BCĐ PCGD cấp xã, nhất là những xã đặc biệt khó khăn, biên giới có thời điểm chưa thực sự quyết liệt trong việc triển khai thực hiện nhiệm vụ và còn hạn chế trong việc đưa ra các giải pháp tổ chức thực hiện công tác PCGD.

## **II. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP THỰC HIỆN TRONG THỜI GIAN TỚI**

### **1. Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo, tuyên truyền về công tác phổ cập giáo dục, xóa mù chữ**

Tiếp tục thực hiện tốt các chỉ thị, nghị quyết của Đảng, quy định của Nhà nước, đặc biệt là các văn bản của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh và của Ngành về công tác PCGD, XMC trong giai đoạn hiện nay. Tăng cường công tác phổ biến, giáo dục pháp

<sup>17</sup> Trong đó có 06/199 xã, phường, thị trấn đạt chuẩn mức độ 2; 193/199 xã, phường, thị trấn đạt chuẩn mức độ 3; 02/13 đơn vị cấp huyện đạt chuẩn mức độ 2; 11/13 đơn vị cấp huyện đạt chuẩn mức độ 3.



luật; phối hợp giữa các sở, ngành, đoàn thể, các lực lượng xã hội và Ngành GD&ĐT để thực hiện hiệu quả kế hoạch công tác PCGD, XMC. Đẩy mạnh tuyên truyền về Luật Giáo dục, công tác PCGD, XMC tại các địa phương, đơn vị và trong nhân dân để các ngành, các cấp và toàn xã hội thấy rõ trách nhiệm của mình trong việc thực hiện nhiệm vụ PCGD trên địa bàn; tiếp tục củng cố và giữ vững kết quả PCGD, XMC.

## **2. Tăng cường huy động học sinh, trẻ em 5 tuổi đến lớp**

Thực hiện tốt công tác PCGD mầm non cho trẻ em 5 tuổi, huy động tối đa trẻ em 5 tuổi ra lớp, củng cố hệ thống trường, lớp mầm non nhằm thu hút trẻ mẫu giáo ra lớp; thường xuyên tổ chức rà soát tất cả học sinh, trẻ trong độ tuổi PCGD tại các xã đạt chuẩn PCGD nhưng chưa vững chắc, xây dựng kế hoạch để từng bước củng cố, duy trì vững chắc kết quả PCGD; thực hiện đầy đủ, kịp thời các chế độ, chính sách của nhà nước đối với học sinh; chú trọng phát triển các loại hình trường, nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập, tư thục ở những nơi có điều kiện nhằm tăng tỷ lệ huy động trẻ ở các độ tuổi và đảm bảo tỷ lệ huy động trẻ nhà trẻ theo mục tiêu đề ra.

## **3. Thực hiện các giải pháp nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục, xóa mù chữ**

Tiếp tục rà soát, điều chỉnh, bổ sung đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên đủ về số lượng, bảo đảm chất lượng, phù hợp với tình hình của địa phương theo hướng vừa đáp ứng được yêu cầu trước mắt vừa phù hợp với yêu cầu phát triển lâu dài của các cấp học và yêu cầu PCGD, XMC; đẩy mạnh thực hiện mục tiêu PCGD, XMC nhằm nâng cao chất lượng, phát triển quy mô các ngành học, cấp học; chú trọng quan tâm đúng mức phát triển giáo dục dân tộc, vùng cao, vùng đặc biệt khó khăn, vùng biên giới. Tập trung nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động dạy và học; tăng cường giáo dục đạo đức; ý thức chấp hành pháp luật lối sống, kỹ năng sống, chú trọng nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện cho học sinh; tích cực đổi mới phương pháp dạy học, đổi mới công tác kiểm tra đánh giá, bảo đảm phù hợp với đối tượng, thúc đẩy quá trình tự học của học sinh. Bảo đảm tỷ lệ học sinh 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học, giảm thiểu tỷ lệ học sinh lưu ban và bỏ học. Thực hiện tốt quy chế phối hợp giữa các ban ngành, đoàn thể ở địa phương để huy động trẻ 6 tuổi ra lớp. Hằng năm, phấn đấu huy động trên 99% trẻ 6 tuổi vào lớp 1, chỉ đạo thực hiện tốt “Ngày toàn dân đưa trẻ đến trường”, duy trì tốt sỹ số học sinh. Tích cực mở các lớp xóa mù chữ và giáo dục tiếp tục sau khi biết chữ cho đồng bào dân tộc thiểu số, quan tâm xóa mù chữ cho phụ nữ nghèo; thực hiện mục tiêu PCGD, XMC song song với việc củng cố quốc phòng - an ninh, giữ gìn trật tự an toàn xã hội.

## **4. Đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị dạy học**

Tiếp tục triển khai rà soát sắp xếp trường lớp học đảm bảo hợp lý theo tinh thần Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Nghị quyết Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập và qua đó tập trung được đầu tư trọng tâm, trọng điểm cho các cơ sở giáo dục; phát triển hệ thống mô hình trường bán trú. Tăng cường đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học cho các trường, ưu tiên các trường vùng khó khăn để thu hút trẻ, học sinh đến trường; từng bước xóa phòng



học tạm, đảm bảo đáp ứng đủ phòng học an toàn, công trình vệ sinh, nguồn nước sạch, bếp ăn cho các trường mầm non, tiểu học và trung học cơ sở theo hướng kiên cố hóa theo các tiêu chí trường đạt chuẩn quốc gia.

### **5. Tăng cường công tác kiểm tra, công tác phổ cập giáo dục, xóa mù chữ**

Tăng cường công tác kiểm tra, đánh giá chất lượng và việc triển khai, thực hiện nhiệm vụ PCGD, XMC, kiểm tra, đánh giá hiệu quả việc đầu tư, công tác quản lý, sử dụng thiết bị dạy học tại các trường.

### **Chuyên đề 03:**

## **MỘT SỐ KẾT QUẢ SAU HƠN MỘT NĂM THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 37-NQ/TW, NGÀY 24/12/2018 CỦA BỘ CHÍNH TRỊ VỀ VIỆC SẮP XẾP CÁC ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN, CẤP XÃ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH**

### **I. CÔNG TÁC LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO**

Thực hiện các chủ trương của Đảng và quy định của Nhà nước về sắp xếp tổ chức bộ máy hệ thống chính trị tỉnh Cao Bằng; Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh đã ban hành nhiều văn bản để lãnh đạo, chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện công tác sắp xếp trên phạm vi toàn tỉnh, như:

- Quyết định số 2188-QĐ/TU, ngày 12/6/2019 của Tỉnh ủy thành lập Ban chỉ đạo thực hiện Nghị quyết số 37-NQ/TW, ngày 24/12/2018 của Bộ Chính trị về việc sắp xếp các đơn vị hành chính (ĐVHC) cấp huyện và cấp xã.
- Chỉ thị số 31-CT/TU, ngày 26/6/2019 của Tỉnh ủy về sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã và xóm, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Cao Bằng trong giai đoạn 2019 – 2021.
- Kế hoạch số 2253/KH-UBND, ngày 28/6/2019 của UBND tỉnh thực hiện sắp xếp các ĐVHC cấp huyện, cấp xã và xóm, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Cao Bằng trong giai đoạn 2019 - 2021.
- Thông báo số 01-TB/BCĐ, ngày 12/7/2019 của Ban Chỉ đạo phân công nhiệm vụ thành viên Ban Chỉ đạo thực hiện Nghị quyết số 37-NQ/TW, ngày 24/12/2018 của Bộ Chính trị về việc sắp xếp các ĐVHC cấp huyện và cấp xã.
- Đề án số 17-ĐA/TU, ngày 29/7/2019 của Tỉnh ủy tuyên truyền thực hiện sắp xếp các ĐVHC cấp huyện, cấp xã và xóm, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Cao Bằng trong giai đoạn 2019 - 2021.
- Kế hoạch số 269/KH-UBND, ngày 11/02/2020 của UBND tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp các ĐVHC cấp huyện, cấp xã thuộc tỉnh Cao Bằng.

Sở Nội vụ ban hành Công văn số 1296/SNV-XDCQ&TN, ngày 01/7/2019 về hướng dẫn nội dung và quy trình sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã và xóm, tổ dân phố.

Việc ban hành các văn bản nêu trên đã giúp cấp ủy, chính quyền địa phương các cấp tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, triển khai thực hiện sắp xếp ĐVHC hoàn thành nhiệm vụ theo kế hoạch đề ra.



## II. MỘT SỐ KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

### 1. Kết quả lấy ý kiến cử tri

- Ý kiến của cử tri về phương án sắp xếp 06 huyện<sup>18</sup> (86 xã, thị trấn của 06 huyện): Số cử tri đồng ý sắp xếp 06 huyện 132.228/139.274 người, đạt tỷ lệ 94,94%.

- Ý kiến của cử tri về phương án sắp xếp 76 ĐVHC cấp xã (76 xã, thị trấn của 11 huyện, trừ thành phố Cao Bằng và huyện Bảo Lạc): Số cử tri đồng ý 104.123/108.789 người, đạt tỷ lệ 95,71%.

### 2. Kết quả biểu quyết của Hội đồng nhân dân cấp xã

- Kết quả biểu quyết của Hội đồng nhân dân (HĐND) 86 xã, thị trấn (06 huyện) về phương án sắp xếp ĐVHC cấp huyện: 86/86, đạt tỷ lệ 100%; số đại biểu đồng ý 1.676/1.823 người, đạt tỷ lệ 91,93%.

- Kết quả biểu quyết của HĐND 76 xã, thị trấn (11 huyện, trừ thành phố Cao Bằng và huyện Bảo Lạc) về phương án sắp xếp ĐVHC cấp xã: 76/76, đạt tỷ lệ 100%; số đại biểu đồng ý 1.425/1.530 người, đạt tỷ lệ 93,13%.

### 3. Kết quả biểu quyết của Hội đồng nhân dân cấp huyện

- Kết quả biểu quyết của HĐND 06 huyện về phương án sắp xếp ĐVHC cấp huyện: 06/06, đạt tỷ lệ 100%; số đại biểu đồng ý 159/170 người, đạt tỷ lệ 93,52%.

- Kết quả biểu quyết của HĐND 11 huyện (trừ thành phố Cao Bằng và huyện Bảo Lạc) về phương án sắp xếp ĐVHC cấp xã: 11/11, đạt tỷ lệ 100%; số đại biểu đồng ý 293/313 người, đạt tỷ lệ 93,61%;

### 4. Kết quả biểu quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh

Trên cơ sở kết quả biểu quyết của HĐND các xã, thị trấn và HĐND các huyện có liên quan, UBND tỉnh đã tổng hợp, trình HĐND tỉnh xem xét thông qua và ban hành Nghị quyết số 26/NQ-HĐND, ngày 09/9/2019 về tán thành chủ trương sắp xếp, sáp nhập ĐVHC cấp huyện, cấp xã trên địa bàn tỉnh Cao Bằng: Số đại biểu HĐND tỉnh tán thành chủ trương sắp xếp 45/49 đại biểu, đạt tỷ lệ 91,83%.

### 5. Kết quả thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã theo nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội

Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã ban hành Nghị quyết số 864/NQ-UBTVQH14, ngày 10/01/2020 về việc sắp xếp các ĐVHC cấp huyện, cấp xã thuộc tỉnh Cao Bằng và Nghị quyết số 897/NQ-UBTVQH14, ngày 11/02/2020 về việc sắp xếp các ĐVHC cấp huyện và đổi tên ĐVHC cấp xã thuộc tỉnh Cao Bằng. Sau khi sắp xếp tỉnh Cao Bằng còn 10 ĐVHC cấp huyện (gồm 09 huyện và 01 thành phố), giảm 03 ĐVHC cấp huyện; 161 ĐVHC cấp xã (gồm 139 xã, 08 phường và 14 thị trấn), giảm 38 ĐVHC cấp xã.

Thực hiện nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 269/KH-UBND, ngày 11/02/2020 triển khai, thực hiện Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã thuộc tỉnh

<sup>18</sup> Sắp xếp ĐVHC 06 huyện thành 03 huyện: Huyện Thông Nông với huyện Hà Quảng thành huyện Hà Quảng; huyện Quảng Uyên với huyện Phục Hòa thành huyện Quảng Hòa; huyện Trà Lĩnh với huyện Trùng Khánh thành huyện Trùng Khánh.



Cao Bằng. Đến nay, 38 xã, thị trấn và 03 huyện mới của tỉnh Cao Bằng đều đã ổn định tổ chức và đi vào hoạt động theo quy định.

### **III. KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC, NGUYÊN NHÂN**

#### **1. Khó khăn, vướng mắc**

- Việc bố trí sắp xếp đối với cán bộ, công chức, viên chức cấp xã tại các ĐVHC mới thành lập còn gặp nhiều khó khăn.
- Chế độ chính sách hỗ trợ đối với cán bộ, công chức dôi dư chưa thực sự động viên, khuyến khích cán bộ, công chức tự nguyện nghỉ việc.

#### **2. Nguyên nhân**

- Việc bố trí cán bộ, công chức cấp xã tại các ĐVHC mới thành lập gặp rất nhiều khó khăn do thực hiện theo Nghị định số 34/2019/NĐ-CP của Chính phủ mỗi đơn vị giảm 02 người, đồng thời thực hiện bố trí Trưởng công an xã, thị trấn là công an chính quy do vậy không còn vị trí để bố trí sắp xếp.
- Một số bộ, ngành Trung ương hướng dẫn chưa kịp thời, cụ thể việc thực hiện sắp xếp cán bộ, công chức, chế độ chính sách đối với cán bộ, công chức dôi dư.
- Ngân sách địa phương còn hạn chế, chủ yếu là ngân sách Trung ương cấp.

### **IV. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ THỜI GIAN TỚI**

1. Cấp ủy, chính quyền các cấp tiếp tục lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện tốt việc rà soát, bổ sung, hoàn thiện hoặc ban hành các văn bản mới về sắp xếp tổ chức bộ máy tại các ĐVHC mới thành lập.
2. Quan tâm đầu tư cơ sở hạ tầng giao thông để thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội ở các ĐVHC thực hiện việc sắp xếp; nâng cao đời sống nhân dân; bảo đảm quốc phòng, an ninh; giữ vững an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội.
3. Ban hành chính sách hỗ trợ đối với cán bộ, công chức dôi dư do sắp xếp các ĐVHC cấp huyện, cấp xã. Xây dựng lộ trình thực hiện tinh giản biên chế, cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động theo các nghị quyết, kết luận của Đảng, quy định của Nhà nước và phù hợp với thực tế.

#### **Chuyên đề 04:**

### **MỘT SỐ KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC TRONG CÔNG TÁC PHỔ BIẾN, GIÁO DỤC PHÁP LUẬT TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH GIAI ĐOẠN 2010 - 2020; PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ THỜI GIAN TỚI**

#### **I. CÔNG TÁC LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO**

Để hoàn thiện thể chế, chính sách về phổ biến, giáo dục pháp luật (PBGDPL) trên địa bàn tỉnh trong giai đoạn 2010 - 2020, tỉnh đã ban hành nhiều văn bản để lãnh đạo chỉ đạo, cụ thể:

- Nghị quyết số 33/NQ-HĐND, ngày 08/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về quy định mức chi bảo đảm cho công tác PBGDPL.



- Quyết định số 282/QĐ-UBND, ngày 03/03/2010 của Ủy ban Nhân dân (UBND) tỉnh về việc ban hành kế hoạch tuyên truyền, PBGDPL năm 2010 của tỉnh Cao Bằng.

- Kế hoạch số 235/KH-UBND, ngày 21/02/2011 của UBND tỉnh về tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật năm 2011.

- Kế hoạch số 2767/KH-UBND, ngày 11/10/2012 của UBND tỉnh về triển khai thực hiện Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

- Kế hoạch số 2720/KH-UBND, ngày 25/8/2017 của UBND tỉnh về thực hiện Chương trình PBGDPL giai đoạn 2017 - 2021 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

- Kế hoạch số 4163/KH-UBND, ngày 29/12/2017 của UBND tỉnh về công tác PBGDPL; hòa giải ở cơ sở; chuẩn tiếp cận pháp luật; xây dựng và thực hiện quy ước năm 2018.

- Kế hoạch số 951/KH-UBND, ngày 12/4/2018 của UBND tỉnh Cao Bằng tiếp tục thực hiện Đề án “*Tăng cường công tác phổ biến, giáo dục pháp luật nhằm nâng cao ý thức pháp luật cho thanh, thiếu niên giai đoạn 2010-2015*” đến năm 2020 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

- Kế hoạch số 283/KH-UBND, ngày 25/01/2019 của UBND tỉnh về công tác PBGDPL; hòa giải ở cơ sở và xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2019.

- Kế hoạch số 323/KH-UBND, ngày 17/02/2020 của UBND tỉnh về công tác phổ biến, giáo dục pháp luật; hòa giải ở cơ sở; xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật trên địa bàn tỉnh năm 2020.

Hàng năm, Hội đồng phối hợp PBGDPL tỉnh đều ban hành các kế hoạch hoạt động của Hội đồng và tổ chức thực hiện kế hoạch theo đúng thời gian quy định.

## **II. MỘT SỐ KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC**

### **1. Về kiện toàn báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật**

Đội ngũ thực hiện công tác PBGDPL thường xuyên được kiện toàn đảm bảo về số lượng và chất lượng đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao. Hiện nay, tỉnh Cao Bằng có 113 báo cáo viên pháp luật tỉnh, 230 báo cáo viên pháp luật huyện, 2.053 tuyên truyền viên pháp luật cấp xã<sup>19</sup>. Đội ngũ này cơ bản đã được bồi dưỡng nghiệp vụ, có trình độ theo quy định của Luật PBGDPL.

### **2. Tổ chức và hoạt động của Hội đồng phối hợp PBGDPL các cấp**

Hội đồng phối hợp PBGDPL tỉnh được thành lập theo đúng quy định. Thường xuyên kiện toàn thành viên Hội đồng đảm bảo hoạt động hiệu quả theo chức năng, nhiệm vụ được giao. Hiện nay, Hội đồng tỉnh có 37 thành viên đảm bảo số lượng, thành phần theo quy định, do 01 đồng chí Phó Chủ tịch UBND tỉnh làm chủ tịch Hội đồng, các thành viên là đại diện lãnh đạo của một số sở, ngành có liên quan. Tại 10/10 huyện, thành phố đều có Hội đồng cấp huyện đảm bảo cơ cấu, thành phần phù hợp theo quy định và thường xuyên được kiện toàn về thành viên Hội đồng khi có sự thay đổi về nhân sự.

<sup>19</sup> Theo số liệu thống kê năm 2019.



- Hội đồng phối hợp PBGDPL các cấp đã tham mưu tích cực cho cấp uỷ, chính quyền ban hành các văn bản chỉ đạo về công tác tuyên truyền, PBGDPL như ban hành các quyết định thực hiện đề án, kế hoạch PBGDPL và tổ chức thực hiện kế hoạch PBGDPL ở địa phương; công tác PBGDPL được các cấp, các ngành quan tâm tổ chức triển khai thường xuyên, liên tục.

- Các cấp, các ngành đã phối hợp tương đối đồng bộ trong công tác PBGDPL như củng cố, kiện toàn, nâng cao chất lượng đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên pháp luật; tổ chức các hội nghị, các lớp tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ từ cấp tỉnh đến cơ sở.

### **3. Về công tác phổ biến giáo dục pháp luật từ năm 2010 đến tháng 4/2020**

**3.1. Phổ biến pháp luật trực tiếp, trực tuyến:** Hằng năm, tỉnh đều tổ chức Hội nghị PBGDPL tại các cấp nhằm phổ biến nội dung của những văn bản pháp luật mới được Quốc hội thông qua, các văn bản pháp luật mới được sửa đổi, bổ sung nhằm giới thiệu những quy định pháp luật mới tới nhân dân trên địa bàn. Từ năm 2010 đến tháng 4/2020, toàn tỉnh đã tổ chức được 155.454 cuộc, với 8.072.282 lượt người tham dự.

**3.2. Phổ biến pháp luật qua các cuộc thi:** Các cấp, các ngành trong tỉnh đã tổ chức các cuộc thi tìm hiểu pháp luật với nhiều hình thức khác nhau như thi viết, thi sân khấu hóa, thi trắc nghiệm, thi trả lời câu hỏi trực tiếp... Từ năm 2010 đến nay, toàn tỉnh tổ chức được 568 cuộc thi, với 196.403 lượt người dự thi. Thông qua cuộc thi góp phần nâng cao nhận thức, ý thức chấp hành pháp luật cho cán bộ và nhân dân trên địa bàn tỉnh.

**3.3. Phổ biến pháp luật thông qua công tác hòa giải:** Các tổ hòa giải thường xuyên được củng cố kiện toàn. Hiện nay, toàn tỉnh có 2.484 tổ hoà giải, 14.361 hoà giải viên<sup>20</sup>; các hòa giải viên ở cơ sở đã tích cực tham gia hòa giải các vụ việc theo thẩm quyền. Hằng năm, số vụ việc hòa giải thành đạt tỷ lệ từ 50 đến 70% góp phần giải quyết những mâu thuẫn, xích mích nhỏ trong cộng đồng dân cư, hạn chế đơn, thư khiếu nại vượt cấp.

**3.4. Phổ biến pháp luật thông qua tủ sách pháp luật:** Thực hiện Quyết định số 14/2019/QĐ-TTg, ngày 13/3/2019 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng, quản lý, khai thác Tủ sách pháp luật, toàn tỉnh hiện có 130 Tủ sách pháp luật xã, phường. Trung bình mỗi Tủ sách pháp luật có khoảng trên 100 đầu sách, phục vụ nhu cầu khai thác tìm hiểu, tìm đọc cho cán bộ và nhân dân địa bàn. Trong các năm 2018, 2019, Sở Tư pháp đã hỗ trợ 70 đầu sách pháp luật cho các Tủ sách pháp luật cấp xã.

**3.5. Phổ biến pháp luật thông qua các hình thức biên soạn in ấn và phát hành bản tin, tờ áp phích, sách hỏi đáp pháp luật, đề cương:** Đã in ấn và phát hành 1.900 cuốn Bản tin Tư pháp, 4.823 cuốn sách hỏi, đáp pháp luật, 7.192 tờ áp phích, 11.000 tờ gấp cấp phát tới các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, cấp xã, thôn, xóm, tổ dân phố để làm tài liệu tuyên truyền, phổ biến pháp luật.

**3.6. Phổ biến pháp luật thông qua Cổng/Trang thông tin điện tử:** Đây là kênh thông tin cập nhật được đầy đủ các dữ liệu và kịp thời, rất thuận tiện cho việc tra cứu

<sup>20</sup> Số liệu thống kê năm 2019.



tìm hiểu pháp luật cho mọi đối tượng. Hiện nay, toàn tỉnh có Công thông tin điện tử của tỉnh và 38 Trang Thông tin điện tử của các sở, ban, ngành, huyện, thành phố đều thực hiện đăng tải các thông tin tuyên truyền, phổ biến pháp luật thường xuyên, đầy đủ tạo thuận lợi cho các cán bộ, công chức, viên chức và các cá nhân liên quan tìm hiểu, tra cứu.

#### **4. Hạn chế, nguyên nhân**

##### **4.1. Hạn chế**

- Một số ít cấp ủy chưa nhận thức được đầy đủ về vai trò lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy đối với công tác PBGDPL nên chưa tích cực trong việc chỉ đạo triển khai thực hiện.

- Nội dung, hình thức truyền truyền, phổ biến pháp luật chậm đổi mới, chưa được phong phú, đa dạng, chủ yếu tập trung truyền truyền, phổ biến, giới thiệu nội dung các luật, chưa chú ý đi sâu vào các văn bản dưới luật, nhất là các văn bản hướng dẫn thi hành cho nên chất lượng, hiệu quả công tác PBGDPL đạt được chưa cao.

- Các chương trình, đề án về PBGDPL được ban hành khá nhiều, trong khi nguồn kinh phí địa phương còn eo hẹp, đặc biệt là ở cấp cơ sở, do vậy chưa đảm bảo đáp ứng được hết yêu cầu, nhiệm vụ được giao. Dẫn đến tình trạng một số địa phương chậm triển khai; chính sách xã hội hóa, huy động mọi nguồn lực xã hội tham gia PBGDPL chưa được triển khai.

- Đội ngũ báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật, tuy đông về số lượng, nhưng số lượng người tham gia thực hiện PBGDPL rất ít. Chất lượng, kỹ năng, phương pháp truyền đạt còn hạn chế, đặc biệt là tuyên truyền viên pháp luật cấp xã.

- Hầu hết các sở, ban, ngành, đoàn thể, địa phương chưa bố trí kinh phí dành riêng cho công tác PBGDPL.

- Thành viên Hội đồng các cấp hoạt động kiêm nhiệm, đa số là lãnh đạo các sở, ngành, nên thời gian dành cho công tác PBGDPL còn hạn chế, chưa phát huy được hết vai trò, trách nhiệm của mỗi thành viên trong thực hiện nhiệm vụ chung của Hội đồng; hoạt động kiểm tra, sơ kết, tổng kết của Hội đồng chưa được quan tâm đúng mức.

- Một bộ phận người dân nhận thức pháp luật còn hạn chế, chưa có ý thức tự giác học tập, tìm hiểu pháp luật và thiếu ý thức nghiêm chỉnh chấp hành pháp luật.

##### **4.2. Nguyên nhân**

- Một số cấp uỷ, chính quyền và các cơ quan chưa quan tâm đúng mức đến công tác PBGDPL cho nên thiếu hướng dẫn, chỉ đạo; triển khai thực hiện chưa hết trách nhiệm được giao, còn cho đó là trách nhiệm riêng của ngành Tư pháp.

- Chất lượng tham mưu, tư vấn trong xác định nội dung, hình thức PBGDPL của một số Hội đồng chưa cao.

- Đội ngũ công chức tham mưu quản lý nhà nước, nhất là cấp xã, báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật chưa được tập huấn về kỹ năng, nghiệp vụ thường xuyên.



- Hội đồng phối hợp công tác PBGDPL các cấp hoạt động theo cơ chế phối hợp, các thành viên làm việc kiêm nhiệm nên không thể dành nhiều thời gian đầu tư cho công tác PBGDPL.

- Điều kiện kinh tế của tỉnh còn khó khăn, nguồn thu thấp, dẫn đến bố trí kinh phí cho hoạt động PBGDPL còn hạn chế.

### **III. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ THỜI GIAN TỚI**

1. Cấp ủy, chính quyền các cấp tiếp tục lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện tốt Luật PBGDPL và các văn bản của tỉnh nhằm nâng cao hiệu quả công tác PBGDPL; giám sát việc thực hiện pháp luật về PBGDPL; chỉ đạo, hướng dẫn, tổ chức triển khai và kiểm tra công tác PBGDPL.

2. Các cấp, các ngành tiếp tục quan tâm triển khai thực hiện công tác PBGDPL trong cơ quan, đơn vị bằng hình thức thích hợp, trong đó tập trung phổ biến tại các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân; PBGDPL cho một số đối tượng đặc thù như người lao động trong các doanh nghiệp; đồng bào vùng sâu, vùng xa...

3. Thường xuyên củng cố, kiện toàn và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ làm công tác PBGDPL theo hướng nâng cao tính chuyên nghiệp, trình độ lý luận chính trị, kỹ năng và nghiệp vụ PBGDPL, đáp ứng yêu cầu công tác PBGDPL tại địa phương và của cơ quan, đơn vị, đặc biệt là lực lượng tuyên truyền viên PBGDPL ở cơ sở.

4. Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị, ứng dụng công nghệ thông tin để thực hiện công tác PBGDPL; hỗ trợ, cung cấp tài liệu nghiệp vụ cho cán bộ làm công tác PBGDPL ở vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

5. Kết hợp phổ biến, giáo dục pháp luật và hướng dẫn áp dụng pháp luật: Các cơ quan nhà nước, trực tiếp là các cán bộ, công chức nhà nước là người tổ chức thực hiện các quy định pháp luật, xử lý vi phạm pháp luật, đồng thời thông qua thực thi công vụ kết hợp PBGDPL nhằm giúp cho đối tượng được áp dụng pháp luật hiểu rõ nội dung, ý nghĩa của các quy định pháp luật được áp dụng hoặc các quy định có liên quan, hiểu và ý thức được về quyền và nghĩa vụ pháp lý của mình, từ đó tự nguyện chấp hành nghiêm túc các quyết định áp dụng pháp luật nói riêng và chấp hành pháp luật nói chung.

6. Kết hợp PBGDPL với trợ giúp pháp lý, tư vấn pháp luật và hoà giải ở cơ sở: Đưa yêu cầu thực hiện PBGDPL khi tiến hành trợ giúp pháp lý, tư vấn pháp luật vào Quy chế hoạt động của các đoàn luật sư, Trung tâm tư vấn, Trợ giúp pháp lý. Hình thành trách nhiệm tự giác thực hiện PBGDPL cho đối tượng, cho khách hàng khi trợ giúp pháp lý, tư vấn pháp luật; nâng cao chất lượng, hiệu quả và mở rộng đối tượng, phạm vi hoạt động trợ giúp pháp lý lưu động để đảm bảo mọi người dân đều có khả năng được hưởng dịch vụ này khi cần thiết.

---



## **ĐỊNH HƯỚNG TUYÊN TRUYỀN THỜI GIAN TỚI**

### **1. Về những nội dung tập trung tuyên truyền theo Tài liệu Báo cáo viên tháng 5/2020**

#### ***1.1. Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam - Liên minh châu Âu: Những nội dung cốt lõi, cơ hội, thách thức và giải pháp của Việt Nam***

Đẩy mạnh tuyên truyền tới các cấp ủy đảng, chính quyền, các ban, ngành, đoàn thể cán bộ, đảng viên và nhân dân việc ký kết thành công Hiệp định EVFTA đánh dấu một mốc mới trên chặng đường gần 30 năm hợp tác và phát triển giữa Việt Nam và EU, là một thông điệp tích cực về quyết tâm của Việt Nam trong việc thúc đẩy sự hội nhập sâu rộng vào nền kinh tế thế giới. Khẳng định Hiệp định EVFTA là cú hích rất lớn cho xuất khẩu của Việt Nam, giúp đa dạng hóa thị trường và mặt hàng xuất khẩu, đặc biệt là các mặt hàng nông sản, thủy sản cũng như những mặt hàng Việt Nam có nhiều lợi thế cạnh tranh.

#### ***1.2. Kết quả nổi bật sau 10 năm thực hiện Chỉ thị số 61-CT/TU ngày 31/5/2010 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng đối với công tác duy trì kết quả phổ cập giáo dục tiểu học, trung học cơ sở và đẩy mạnh phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi***

Tiếp tục đẩy mạnh tuyên truyền Chỉ thị số 61-CT/TU, Chương trình hành động số 26-CTr/TU, ngày 21/5/2012 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Chỉ thị số 10-CT/TW ngày 05/12/2011 của Bộ Chính trị về PCGD mầm non cho trẻ em 5 tuổi, củng cố kết quả PCGD tiểu học và trung học cơ sở, tăng cường phân luồng học sinh sau trung học cơ sở và xóa mù chữ cho người lớn đến cấp ủy, chính quyền, các tổ chức chính trị - xã hội, các sở, ban, ngành, đảng viên và nhân dân nhằm nâng cao nhận thức, trách nhiệm của toàn xã hội về chủ trương, ý nghĩa, tầm quan trọng của việc duy trì kết quả PCGDTH, THCS và đẩy mạnh PCGDTH đúng độ tuổi và nâng cao chất lượng giáo dục - đào tạo; động viên cán bộ, đảng viên và nhân dân hưởng ứng tích cực duy trì kết quả PCGDTH, THCS và đẩy mạnh PCGD tiểu học đúng độ tuổi, góp phần nâng cao dân trí, phát triển nguồn nhân lực, đóng góp vào sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

#### ***1.3. Một số kết quả sau hơn 01 năm thực hiện Nghị quyết 37-NQ/TW, ngày 24/12/2018 của Bộ Chính trị về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã trên địa bàn tỉnh***

Tiếp tục đẩy mạnh tuyên truyền khẳng định việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện và cấp xã trên địa bàn tỉnh là cần thiết nhằm tổ chức hợp lý đơn vị hành chính các cấp phù hợp với thực tiễn và xu thế phát triển của tỉnh; bảo đảm hoàn thiện thể chế về đơn vị hành chính, bộ máy chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực hiệu quả; tạo niềm tin, động lực, khích lệ, động viên các cấp ủy đảng, chính quyền, các ban, ngành, đoàn thể, các tổ chức chính trị xã hội, cán bộ, đảng viên và nhân dân thực hiện có hiệu quả các giải pháp trọng tâm, phấn đấu hoàn thành các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội đã đề ra.

#### ***1.4. Một số kết quả đạt được trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2010 - 2020; phương hướng, nhiệm vụ thời gian tới.***



Tiếp tục tăng cường tuyên truyền nhằm củng cố, nâng cao nhận thức của cấp uỷ, chính quyền các cấp trong công tác PBGDPL, tạo sự chuyển biến tích cực về nhận thức và ý thức tôn trọng, chấp hành pháp luật cho toàn thể cán bộ, đảng viên và nhân dân, góp phần thực hiện tốt các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh.

## **2. Về một số nội dung trọng tâm khác cần tập trung tuyên truyền**

- Tuyên truyền về tình hình kinh tế - xã hội: Nghị quyết phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 4/2020; một số kết quả nổi bật phát triển kinh tế - xã hội tháng 4/2020 và 4 tháng đầu năm 2020 gắn với tuyên truyền kết quả thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, của địa phương, đơn vị.

- Tuyên truyền khẳng định: Trong suốt 3 tháng qua, Việt Nam đã tập trung cao độ phòng chống dịch bệnh Covid-19. Đến nay, đã kiểm soát được dịch bệnh, ngăn chặn được sự lây lan trong cộng đồng. Thắng lợi đến thời điểm này rất quan trọng và ý nghĩa, khẳng định quyết tâm, ý chí thống nhất trong hành động của toàn Đảng, toàn quân và sự đồng lòng, ủng hộ của nhân dân cả nước; thể hiện sức mạnh đoàn kết, truyền thống yêu nước, tinh thần tương thân, tương ái của dân tộc. Qua đó củng cố vững chắc niềm tin của nhân dân vào sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng, Nhà nước và khẳng định tính ưu việt, bản chất tốt đẹp của chế độ, của hệ thống chính trị nước ta.

- Đẩy mạnh tuyên truyền công tác thực hiện Chỉ thị số 35-CT/TW, ngày 30/5/2019 của Bộ Chính trị về đại hội đảng các cấp tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng; Kế hoạch số 357-KH/TU ngày 24/6/2019 của Tỉnh uỷ Cao Bằng về thực hiện Chỉ thị số 35-CT/TW ngày 30/5/2019 của Bộ Chính trị; chủ động đấu tranh phản bác thông tin sai trái, bịa đặt, phản động xuyên tạc tình hình đất nước của các thế lực thù địch, phản động.

- Tuyên truyền kỷ niệm 130 năm Ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh (19/5/1890 - 19/5/2020); việc thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW của Bộ Chính trị về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; chuyên đề năm 2020 “Tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc, xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”.

- Đẩy mạnh tuyên truyền, khẳng định quyền chủ quyền, quyền tài phán của Việt Nam trên Biển Đông thể hiện rõ trong Công ước của Liên Hợp Quốc về Luật Biển năm 1982; đồng thời tuyên truyền, vận động cán bộ, đảng viên và nhân dân tin tưởng vào quan điểm, chủ trương, biện pháp đấu tranh của ta; bình tĩnh, tỉnh táo trước các thông tin sai trái, xuyên tạc, kích động trên mạng xã hội; kiên quyết đấu tranh, phản bác những thông tin, quan điểm sai trái, gây mất ổn định chính trị, trật tự, an toàn xã hội, chống phá Đảng, Nhà nước, chia rẽ khối đại đoàn kết dân tộc, xuyên tạc chính sách đối ngoại và chủ trương của Đảng, Nhà nước ta.

- Tiếp tục đẩy mạnh tuyên truyền về Dự án và trách nhiệm của cán bộ, đảng viên trong việc tham gia thực hiện Dự án đường cao tốc Đồng Đăng (Lạng Sơn) - Trà Lĩnh (Cao Bằng). Tuyên truyền Cuộc thi tìm hiểu “90 năm Ngày truyền thống ngành Tuyên giáo của Đảng (01/8/1930 - 01/8/2020)”.